

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC MÊ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HS-ST

Ngày 20-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ái.

Ông Hoàng Đình Như.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Tươi - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang: Ông Ngô Quang Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2022/TLST-HS ngày 29/4/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2022 đối với:

- Bị cáo: Thào A P; tên gọi khác: Không; sinh năm 1985; nơi sinh: huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Thào A L, sinh năm 1947 (đã chết) và con bà: Mã Thị S, sinh năm 1950; có 07 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 05 trong gia đình; có vợ: Giàng Thị C, sinh năm 1988 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Không; bị bắt: Không. Hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Thào A P: bà Lục Thùy Linh - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang (Có mặt).

- Nguyên đơn dân sự:

+ Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang; người đại diện theo ủy quyền ông Trần Quang Đ; chức vụ: Cán bộ quản lý (Có mặt).

+ Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang; người đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Văn T; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định làm nhà nên vào khoảng tháng 9/2020 Thào A P một mình mang theo 01(một) máy cưa xăng cầm tay nhãn hiệu 5900 màu sơn cam đi lên khu rừng phòng hộ là rừng tự nhiên thuộc Thôn L, xã M, huyện B, khi đi cách lán của Phía khoảng 70 mét thì phát hiện thấy 01 cây gỗ Nghiến còn tươi sống, thân đứng đường kính gốc khoảng 60 cm, cao khoảng 18 mét, Phía dùng máy cưa cắt khoảng 30 phút thì cây đổ, sau đó xẻ phần thân cây trong thời gian 03 ngày được 07 hộp kích thước khoảng (2,1m x 0,15m x 0,15m), Phía một mình vận chuyển về để cách lán của Phía khoảng 20 mét.

Khoảng cuối tháng 09/2020 Thào A P một mình tiếp tục đi lên khu rừng trên cách lán của Phía khoảng 200 mét dùng máy cưa xăng cắt hạ 01 cây gỗ Nghiến thân đứng, còn tươi sống có đường kính gốc khoảng 60m, cao khoảng hơn 20m. Phía cắt khoảng 20 phút thì cây đổ và xẻ được 05 thanh gỗ Nghiến kích thước (9,5m x 0,20m x 0,04m); 08 cột gỗ Nghiến trong đó: 02 cột có kích thước 3,3m x 0,13m x 0,13m; 01 cột có kích thước 2,3m x 0,12m x 0,14m; 01 cột có kích thước 2,3m x 0,14m x 0,07m; 02 cột có kích thước 2,3m x 0,13m x 0,13m; 01 cột có kích thước 2,3m x 0,13m x 0,07m; 01 cột có kích thước 2,3m x 0,12m x 0,15m. Sau đó một mình vận chuyển về để cách lán khoảng 20 mét. Phía sử dụng 08 cột gỗ Nghiến để dựng chuồng trâu, còn 05 hộp gỗ Nghiến Phía chưa sử dụng.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường lập ngày 08/10/2022, xác định vị trí 02 (hai) cây gỗ Nghiến bị Thào A P khai thác thuộc địa phận Thôn L, xã M, huyện Bắc Mê, thuộc tiểu khu 129, khoảnh 6, lô 12 và lô 14; Đối tượng rừng: Đất rừng phòng hộ là rừng tự nhiên (Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 được UBND tỉnh phê duyệt) do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện B và UBND xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang quản lý, có tổng khối lượng là 7,101m³. Phần còn lại hiện trường là 5,708 m³.

Tang vật thu giữ gồm: 02 (hai) cây gỗ Nghiến nhóm IIA có khối lượng còn lại tại hiện trường là 5,708m³ (*năm phẩy bảy trăm linh tám mét khối*); 07 hộp kích thước 2,1m x 0,15m x 0,15m có khối lượng 0,331m³; 05 thanh có kích thước 9,5m x 0,20m x 0,04m có khối lượng 0,380 m³; 02 cột có kích thước 3,3m x 0,13m x 0,13m có khối lượng 0,112m³; 01 cột có kích thước 2,3m x 0,12m x 0,14m có khối lượng 0,039m³; 01 cột có kích thước 2,3m x 0,14m x 0,07m có khối lượng 0,023m³; 02 cột có kích thước 2,3m x 0,13m x 0,13m có khối lượng 0,078m³; 01 cột có kích thước 2,3m x 0,13m x 0,07 có khối lượng 0,021m³; 01 cột có kích thước 2,3m x 0,12m x 0,15m có khối lượng 0,041m³.

Hiện tất cả số vật chứng trên đã tạm giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bắc Mê và UBND xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang quản lý.

Đối với chiếc máy cưa xăng nhãn hiệu 5900, màu sơn cam sử dụng để cắt hạ 02 cây gỗ nghiến do hỏng bị cáo Phía đã đem bán sắt vụn nên không truy thu được.

Tại bản kết luận giám định số 606/CNR-VP ngày 23/11/2021 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng kết luận đối với mẫu cần giám định ký hiệu M1;

M2 thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường ngày 10/08/2021 do Thào A P khai thác cụ thể như sau:

Mẫu ký hiệu M1, M2. Tên gỗ: Nghiến, tên khoa học: *Excentrodendron tonkinense* (A.Chev.) H.T.Chang&R.H.Miau, nhóm gỗ: II.

Loài Nghiến có tên trong Bảng IIA trong Nhóm II tại Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm ban hành kèm theo nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 06/KL-HĐĐGTTHS, ngày 25/01/2022 và 09/KL - HĐĐGTTHS, ngày 09/03/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Mê kết luận: 02 cây gỗ Nghiến nhóm IIA do Thào A P khai thác có tổng khối lượng là: 7,101m³ có tổng giá trị là: 44.529.600 đ. Trong đó: 07 hộp, 05 thanh và 08 cột gỗ Nghiến có tổng khối lượng: 1,024m³ (gỗ tròn) có tổng giá trị là: 6.224.400đ.

Nguyên đơn dân sự: Tại phiên tòa đại diện UBND xã M; đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ huyện B, là các đại diện nguyên đơn dân sự đề nghị xử lý nghiêm minh đối với bị cáo, không yêu cầu bị cáo P bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKSBM ngày 29/4/2022, của VKSND huyện Bắc Mê đã truy tố bị cáo Thào A P về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo điểm d khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo: Thào A P phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

+ **Hình phạt:** Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232, điều 50; điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 2, Điều 4 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Thào A P từ 12 tháng tù đến 16 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 28 tháng.

+ **Hình phạt bổ sung:** Không.

+ **Về trách nhiệm dân sự:** Các đại diện nguyên đơn dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường, khắc phục hậu quả nên không đề cập.

+ **Về vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ nhà nước: 02 (hai) cây gỗ Nghiến nhóm IIA có khối lượng còn lại tại hiện trường là 5,708m³ (*năm phẩy bảy trăm linh tám mét khối*); 07 hộp kích thước 2,1m x 0,15m x 0,15m có khối lượng 0,331m³; 05 thanh có kích thước 9,5m x 0,2m x 0,04m có khối lượng 0,380m³; 02 cột có kích thước 3,3m x 0,13m x 0,13m có khối lượng 0,112m³; 01 cột có kích thước 2,3m x 0,12m x 0,14m có khối lượng 0,039m³; 01 cột có kích thước 2,3m x 0,14m x 0,07m có khối lượng 0,023m³; 02 cột có kích thước 2,3m x 0,13m x 0,13m có khối lượng 0,078m³; 01 cột có kích thước 2,3m x 0,13m x 0,07m có khối lượng 0,021m³; 01 cột có kích thước 2,3m x 0,12m x 0,15m có khối lượng 0,041m³.

+ *Về án phí*: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV quy định về án phí, lệ phí tòa án, miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về việc truy tố, xét xử bị cáo về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm d khoản 1 Điều 232 BLHS là đúng người, đúng tội. Xét về động cơ mục đích, nhân thân, nguyên nhân điều kiện phạm tội của bị cáo là do không có việc làm ổn định, bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức về pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, thuộc hộ nghèo. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, mặc dù hành vi phạm tội của bị cáo chưa bị phát hiện nhưng bị cáo đã chủ động đến cơ quan điều tra tự thú về hành vi của mình, đề nghị HĐXX áp dụng điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232; điều 50; điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Thào A P 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng.

Về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự và án phí nhất trí với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Thào A P trí với ý kiến của người bào chữa không bổ sung thêm gì và thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Các đại diện nguyên đơn dân sự tại phiên tòa không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người tham gia tố tụng không có tranh luận đối đáp với kiểm sát viên.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh bản thân và gia đình khó khăn, xin giảm nhẹ hình phạt tạo điều kiện cho bị cáo hưởng án treo chấp hành án tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, nguyên đơn dân sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp

với kết quả khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Trong tháng 9/2020 Thảo A P một mình mang theo máy cưa xăng nhãn hiệu 5900, màu sơn cam đi lên khu rừng Thôn L, xã M, huyện Bắc Mê, thuộc tiểu khu 129, khoảnh 6, lô 12 và lô 14; cắt đổ và khai thác 02 cây gỗ Nghiến có tổng khối lượng là: 7,101m³ có tổng giá trị là: 44.529.600 đ. Trong đó 07 hộp, 05 thanh và 08 cột gỗ Nghiến có tổng khối lượng: 1,024m³ (gỗ tròn) có tổng giá trị là: 6.224.400 đ. Vị trí khai thác là rừng phòng hộ là rừng tự nhiên (Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 được UBND tỉnh phê duyệt) do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bắc Mê và UBND xã M, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang quản lý. Như vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “ *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản* ” theo điểm d khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã phạm vào tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự, xâm phạm đến chế độ về quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi khai thác gỗ không có giấy phép là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, chỉ vì mục đích cá nhân là cần gỗ để làm nhà mà bị cáo đã phạm tội. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đến cơ quan điều tra tự thú về hành vi của mình, quá trình điều tra đã chủ động chỉ dẫn đảm bảo cho việc khám nghiệm hiện trường vụ án, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, là lao động chính trong gia đình thuộc hộ nghèo. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, vì vậy không cần thiết phải cách ly mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý giáo dục.

[5] Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo xử phạt tù nhưng được hưởng án treo nên hủy bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo quy định tại Điều 125, 278 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định, gia đình thuộc hộ nghèo nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[7] Trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các nguyên đơn dân sự không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý như sau:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 02 (hai) cây gỗ Nghiến nhóm IIA có khối lượng còn lại tại hiện trường là $5,708\text{m}^3$ (năm phẩy bảy trăm linh tám mét khối); 07 hộp kích thước 2,1m x 0,15m x 0,15m có khối lượng $0,331\text{m}^3$; 05 thanh có kích thước 9,5m x 0,2m x 0,04m có khối lượng $0,380\text{m}^3$; 02 cột có kích thước 3,3m x 0,13m x 0,13m có khối lượng $0,112\text{m}^3$; 01 cột có kích thước 2,3m x 0,12m x 0,14m có khối lượng $0,039\text{m}^3$; 01 cột có kích thước 2,3m x 0,14m x 0,07m có khối lượng $0,023\text{m}^3$; 02 cột có kích thước 2,3m x 0,13m x 0,13m có khối lượng $0,078\text{m}^3$; 01 cột có kích thước 2,3m x 0,13m x 0,07m có khối lượng $0,021\text{m}^3$; 01 cột có kích thước 2,3m x 0,12m x 0,15m có khối lượng $0,041\text{m}^3$.

Về máy cưa xăng bị cáo dùng để khai thác gỗ do bị hỏng bị cáo đã bán sắt vụn không truy thu được HĐXX xử không xem xét.

[9] Từ những căn cứ trên, xét thấy, mức án đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo về hình phạt, xử lý vật chứng, miễn hình phạt bổ sung phạt tiền và miễn án phí đối với bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[10] Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo đề nghị mức hình phạt với bị cáo 12 tháng tù và cho hưởng án treo là có căn cứ.

[11] Về án phí: Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Thào A P phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 232; điều 50; điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 2, Điều 4 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên bố: Bị cáo Thào A P phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

Xử phạt: Bị cáo Thào A P 14 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 tháng, thời hạn thử thách kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Thào A P cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc

người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 68 của Luật thi hành án hình sự.

Hủy bỏ ngay biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Thào A P.

3. Về hình phạt bổ sung: Không.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 02 (hai) cây gỗ Nghiến nhóm IIA có khối lượng còn lại tại hiện trường là $5,708\text{m}^3$ (năm phẩy bảy trăm linh tám mét khối); 07 hộp kích thước $2,1\text{m} \times 0,15\text{m} \times 0,15\text{m}$ có khối lượng $0,331\text{m}^3$; 05 thanh có kích thước $9,5\text{m} \times 0,2\text{m} \times 0,04\text{m}$ có khối lượng $0,380\text{m}^3$; 02 cột có kích thước $3,3\text{m} \times 0,13\text{m} \times 0,13\text{m}$ có khối lượng $0,112\text{m}^3$; 01 cột có kích thước $2,3\text{m} \times 0,12\text{m} \times 0,14\text{m}$ có khối lượng $0,039\text{m}^3$; 01 cột có kích thước $2,3\text{m} \times 0,14\text{m} \times 0,07\text{m}$ có khối lượng $0,023\text{m}^3$; 02 cột có kích thước $2,3\text{m} \times 0,13\text{m} \times 0,13\text{m}$ có khối lượng $0,078\text{m}^3$; 01 cột có kích thước $2,3\text{m} \times 0,13\text{m} \times 0,07\text{m}$ có khối lượng $0,021\text{m}^3$; 01 cột có kích thước $2,3\text{m} \times 0,12\text{m} \times 0,15\text{m}$ có khối lượng $0,041\text{m}^3$.

(Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Mê và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Mê ngày 10/5/2022).

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện + tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Mê;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Bắc Mê;
- Sở tư pháp HG;
- PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Mê;
- Bị cáo; trợ giúp viên pháp lý;
- UBND xã M;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Thuận

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ'

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Ái – Hoàng Đình Như

Hoàng Văn Thuận

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện + tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Mê;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Bắc Mê;
- Sở tư pháp HG;
- PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Mê;
- Bị cáo; trợ giúp viên pháp lý;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu hồ sơ.

Hoàng Văn Thuận